

Số: 102 /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3, khoản 5, khoản 10 Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 65/TTr-BDT ngày 21/9/2023, Công văn số 581/BDT-CSDT ngày 09/10/2023 và Công văn số 588/BDT-CSDT ngày 13/10/2023 của Ban Dân tộc tỉnh,

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3, khoản 5, khoản 10 Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND), Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Do đó, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 15/2022/NQ-HĐND gặp khó khăn, cần phải thực hiện sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương, cụ thể như sau:

- Tại tiết b điểm 3.1 khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND (Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị) quy định: “*b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm...*”; tuy nhiên, thực tế hiện nay chủ trì thực hiện nội dung, dự án phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh đều do các Ban Quản lý Rừng phòng hộ (Bù Đốp, Đắc Mai...) là các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập thực hiện. Nhưng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập không có tên trong Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện theo quy định. Vì vậy, quy định tại tiết b điểm 3.1 khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “*b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập*”.

- Tại tiết b điểm 5.3 khoản 5 Điều 6 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND (Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) quy định: “*Phân bổ 20% nguồn vốn cho các sở, ngành tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Nông dân tỉnh)...*”; trong khi đó, thực tế Trường Cao đẳng Bình Phước là đơn vị có chức năng thực hiện công tác đào tạo nghề nhưng không được phân bổ vốn trực tiếp, nên khó khăn trong việc triển khai thực hiện công tác đào tạo cho các học viên thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Vì vậy, quy định tại tiết b điểm 5.3 khoản 5 Điều 6 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “*Phân bổ không quá 20% nguồn vốn cho các sở, ngành tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Nông dân tỉnh, Trường Cao đẳng Bình Phước)*”.

- Các nội dung phải thực hiện sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất, tiết b điểm 3.2 khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND (Tiểu dự án 2: Hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị): “- *Phân bổ cho các sở, ban, ngành không quá 20% tổng số vốn của Nội dung 1 và Nội dung 3 (Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh)*”.

+ Sửa đổi tổng điểm của tiêu chí số 2 gạch đầu dòng thứ 2 tiết b điểm 5.4 khoản 5 Điều 6 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND (Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp của Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi):

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	b	1,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

+ Sửa đổi tiết a điểm 10.2 khoản 10 Điều 6 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND (Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình):

- *Phân bổ không quá 20% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh (Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh Đoàn).*

- *Phân bổ vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Từ thực tế nêu trên, để đảm bảo triển khai đồng bộ, thống nhất, đúng quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế địa phương, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3, khoản 5, khoản 10 Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả và đồng bộ của chính sách trên địa bàn tỉnh.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quan điểm

- Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo trình tự, thủ tục, quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Việc xây dựng nghị quyết nhằm kịp thời điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và công tác phân bổ chi tiết nguồn vốn đã được trung ương giao thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 33/TTr-BDT ngày 21/4/2023, ngày 16/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 39/TTr-UBND trình Hội đồng nhân dân tỉnh thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân tỉnh.

Ngày 09/6/2023, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Công văn số 173/HĐND về việc xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; ngày 13/6/2023, UBND tỉnh có Công văn số 1932/UBND-KGVX giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, tham mưu xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh đã tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

Ngày 23/5/2023, Ban Dân tộc tỉnh có Công văn số 279/BDT-KHTH gửi lấy ý kiến góp của các đơn vị liên quan về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; sau đó, Ban Dân tộc tỉnh thực hiện điều chỉnh, bổ sung dự thảo văn bản. Ngày 01/6/2023, Ban Dân tộc tỉnh có Công văn số 294/BDT-KHTH gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Ngày 05/6/2023, Sở Tư pháp có Báo cáo số 176/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết; ngày 15/6/2023, Ban Dân tộc tỉnh có Báo cáo số 99/BC-BDT về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Tuy nhiên, ngày 01/7/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Do đó, để tránh tình trạng Nghị quyết đã ban hành phải điều chỉnh nhiều lần, Ban Dân tộc tỉnh tiếp tục bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg vào dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, sau khi đã tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Ngày 25/7/2023, Ban Dân tộc tỉnh có Công văn số 408/BDT-KHTH lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND; sau đó, Ban Dân tộc tiếp thu ý kiến và điều chỉnh dự thảo Nghị quyết.

Ngày 03/8/2023, Ban Dân tộc tỉnh có Công văn số 425/BDT-KHTH gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết; ngày 09/8/2023, Sở Tư pháp có Công văn số 1309/STP-PC phúc đáp Công văn số 425/BDT-KHTH.

Ngày 07/9/2023, Ban Dân tộc có Báo cáo số 147/BC-BDT giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định: *"Nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đề nghị Ban Dân tộc rà soát, phối hợp với các cơ quan, đơn vị để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phù hợp tránh việc phải sửa đổi, bổ sung văn bản nhiều lần"*.

Ngày 10/9/2023, Ban Dân tộc tiếp tục có Công văn số 498/BDT-CSDT lấy ý kiến của các đơn vị liên quan dự thảo Nghị quyết. Kết quả, Ban Dân tộc nhận được ý kiến góp ý của 16 đơn vị và đã thực hiện tiếp thu, giải trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 65/TTr-BDT ngày 21/9/2023.

Ngày 04/10/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 3473/UBND-KGVX giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Ngày 09/10/2023, Ban Dân tộc tỉnh có Công văn số 581/BDT-CSDT báo cáo tiếp thu, giải

trình một số nội dung liên quan dự thảo Nghị quyết, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Dự thảo Nghị quyết đã được UBND tỉnh thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 và khoản 5, Điều 15, Quy chế làm việc của UBND tỉnh Bình Phước khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022).

Trên cơ sở ý kiến của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh đã tiếp thu, giải trình, trình UBND tỉnh tại Công văn số 588/BDT-CSDT ngày 13/10/2023.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Bố cục Nghị quyết gồm:

- Phần căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết.
- Phần quyết nghị.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3, khoản 5, khoản 10 Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ- HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung tiết b điểm 3.1 khoản 3 Điều 6 như sau:

“b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập”.

2. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất tiết b điểm 3.2 khoản 3 Điều 6 như sau:

“- Phân bổ cho các sở, ban, ngành không quá 20% tổng số vốn của Nội dung 1 và Nội dung 3 (Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh)”.

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất tiết b điểm 5.3 khoản 5 Điều 6 như sau:

“- Phân bổ không quá 20% nguồn vốn cho các sở, ngành tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Nông dân tỉnh, Trường Cao đẳng Bình Phước)”.

4. Sửa đổi tổng điểm của tiêu chí số 2 gạch đầu dòng thứ 2 tiết b điểm 5.4 khoản 5 Điều 6 như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
----	-------------------	------	----------	--------------

2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	b	1,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

5. Sửa đổi tiết a điểm 10.2 khoản 10 Điều 6 như sau:

“- Phân bổ không quá 20% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh (Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh Đoàn).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Điều 2. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá ..., kỳ họp thứ ..., thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN:

Liên quan tỷ lệ phân bổ vốn cho Liên minh Hợp xã tỉnh tại khoản 5, Điều 1, dự thảo Nghị quyết:

- Ý kiến của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên UBND tỉnh tại Công văn số 2539/SKHĐT-ĐT ngày 12/10/2023: “Sở Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 2003/SKHĐT-ĐT ngày 10/8/2023 và Công văn số 2519/SKHĐT-ĐT ngày 07/10/2023, trong đó đề nghị Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì dự thảo Nghị quyết khẩn trương rà

soát theo điểm a, Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan kiểm toán, cơ quan có liên quan khác về tỷ lệ phân bổ vốn đầu tư được Thủ tướng Chính phủ quy định” (tại khoản 5, Điều 1 dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phân bổ tỷ lệ vốn cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh từ tối thiểu là 30% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh, xuống còn không quá 20% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án. Tuy nhiên, tại điểm a, Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định tỷ lệ phân bổ vốn cho Liên minh Hợp tác xã không quá 0,5% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án).

- Ý kiến giải trình của Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 588/BDT-CDST ngày 13/10/2023:

+ Điểm a, Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Phân bổ cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam không quá 0,5% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án”; là quy định áp dụng cho cơ quan ở Trung ương không quy định mức áp dụng cho các cơ quan của tỉnh.

+ Áp dụng Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND: “- Phân bổ tối thiểu 30% tổng số vốn cho các cơ quan cấp tỉnh (Ban Dân tộc, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh Đoàn)”; hiện nay, tỉnh đã phân bổ vốn cho 03 đơn vị lần lượt: 53, 52, 51 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển (số kinh phí ít nên thực hiện rất khó khăn); do đó, nếu điều chỉnh phân bổ vốn tỷ lệ 0,5% cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh thì không thực hiện được.

Vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh đề nghị giữ nội dung theo dự thảo văn bản và thực hiện điều chỉnh, bổ sung tại khoản 5, Điều 1, dự thảo Nghị quyết như sau:

- Phân bổ không quá 20% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh (Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh Đoàn).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo Tờ trình:

1. Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND.

2. Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp: Báo cáo số 176/BC-STP ngày 05/6/2023; Công văn số 1309/STP-PC ngày 09/8/2023.

3. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Ban Dân tộc: Báo cáo số 99/BC-BDT ngày 15/6/2023; Báo cáo số 147/BC-BDT ngày 07/9/2023.

4. Văn bản của Ban Dân tộc gửi lấy kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Công văn số 294/BDT-KHTH ngày 01/6/2023 và Phụ lục kèm theo; Công văn số 425/BDT-KHTH ngày 03/8/2023 và Phụ lục kèm theo.

5. Công văn số 408/BDT-KHTH ngày 25/7/2023 của Ban Dân tộc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan; Công văn số 498/BDT-CSĐT ngày 10/9/2023 của Ban Dân tộc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị sau thẩm định của Sở Tư pháp lần 2.

6. Văn bản góp ý của các đơn vị và Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh, BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Các Sở: TP, KH&ĐT, TC;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX, T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2023/NQ-HĐND

Dự thảo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3, khoản 5, khoản 10 Điều 6
Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương
và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu
quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh
Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc
hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế
- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của
Chính phủ về công tác dân tộc;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc
gia;*

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Kết luận số 217-KL/TU ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Thường trực Tỉnh ủy Phiên thứ 16 năm 2022;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngàytháng... năm2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3, khoản 5, khoản 10 Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ- HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung tiết b điểm 3.1 khoản 3 Điều 6 như sau:

“b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập”.

2. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất tiết b điểm 3.2 khoản 3 Điều 6 như sau:

“- Phân bổ cho các sở, ban, ngành không quá 20% tổng số vốn của Nội dung 1 và Nội dung 3 (Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh)”.

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất tiết b điểm 5.3 khoản 5 Điều 6 như sau:

“- Phân bổ không quá 20% nguồn vốn cho các sở, ngành tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Nông dân tỉnh, Trường Cao đẳng Bình Phước)”.

4. Sửa đổi tổng điểm của tiêu chí số 2 gạch đầu dòng thứ 2 tiết b điểm 5.4 khoản 5 Điều 6 như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	b	1,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

5. Sửa đổi tiết a điểm 10.2 khoản 10 Điều 6 như sau:

“- Phân bổ không quá 20% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh (Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh Đoàn).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Điều 2. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá ..., kỳ họp thứ ..., thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

2. Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp: Báo cáo số 176/BC-STP ngày 05/6/2023; Công văn số 1309/STP-PC ngày 09/8/2023.

3. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Ban Dân tộc: Báo cáo số 99/BC-BDT ngày 15/6/2023; Báo cáo số 147/BC-BDT ngày 07/9/2023.

4. Văn bản của Ban Dân tộc gửi lấy kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Công văn số 294/BDT-KHTH ngày 01/6/2023 và Phụ lục kèm theo; Công văn số 425/BDT-KHTH ngày 03/8/2023 và Phụ lục kèm theo.

5. Công văn số 408/BDT-KHTH ngày 25/7/2023 của Ban Dân tộc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan; Công văn số 498/BDT-CSĐT ngày 10/9/2023 của Ban Dân tộc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị sau thẩm định của Sở Tư pháp lần 2.

6. Văn bản góp ý của các đơn vị và Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh, BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Các Sở: TP, KH&ĐT, TC;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX, T.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**